

Bản án số: 112/2020/HS-ST

Ngày: 16/10/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Triệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tấn Đầu

2. Ông Nguyễn Phước Lộc

-Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc tham gia phiên tòa: Bà Đặng Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong 16 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 92/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

*** Đỗ Văn Q**, sinh năm 1989; Nơi sinh: Đồ Sơn – Hải Phòng

Nơi ĐKTT: tổ dân phố Dân Tiến, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng.

Chỗ ở: khu phố A, thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn Tr và bà Bùi Thị M; Vợ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1994; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/4/2020 (có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Chị Dương Thị Kim C, sinh năm 1988; Địa chỉ: tổ 1 ấp Suối Lớn, xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà Đoàn Thị C, sinh năm 1974

3. Chị Đinh Thị H, sinh năm 1994
4. Chị Trương Huỳnh N, sinh năm 1988
5. Chị Trương Thị Ngọc D, sinh năm 1986
6. Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1982
7. Chị Trần Thị L, sinh năm 1978
8. Chị Lâm Thị Tuyết H, sinh năm 2000
9. Bà Lê Thị L, sinh năm 1957
10. Anh Phan Văn M, sinh năm 1987
11. Chị Huỳnh Thị D, sinh năm 1983
12. Chị Huỳnh Thị Mỹ H, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: khu phố A, thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

13. Anh Võ Minh S, sinh năm 1989; Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

14. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983;
15. Chị Mai Vũ L, sinh năm 1982
16. Chị Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1983
17. Chị Võ Thị Trúc L, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: khu phố 6, thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

(bị cáo có mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: có đương sự xin vắng mặt, có đương sự vắng mặt tại địa phương và có đương sự được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ cuối tháng 7 năm 2019, không có đăng ký hoạt động kinh doanh, nhưng Đỗ Văn Q sử dụng phòng trọ thuê tại nhà trọ Thanh Hương thuộc khu phố A, thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc để hoạt động cho vay lãi nặng. Hình thức cho vay trả góp hằng ngày (từ 30 đến 40 ngày tùy theo số tiền vay), mỗi ngày người vay phải góp cả tiền gốc và lãi đến khi đủ số ngày đã thỏa thuận thì chấm dứt hợp đồng vay. Trường hợp người vay chưa góp đủ ngày đã thỏa thuận mà muốn vay thêm thì phải trừ lại tổng số tiền phải góp còn lại. Mức lãi suất từ 0,39% đến 0,67%/ngày. Với phương thức như trên, từ 29/7/2019 đến ngày 13/02/2020, Q cho vay lãi nặng 17 người dân sống trên địa bàn thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc, cụ thể như sau:

1. Nguyễn Thị U vay 04 lần từ ngày 29/7/2019 đến ngày 30/10/2019, với tổng số tiền vay là 101.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 90.500.000 đồng, nợ tiền gốc 10.500.000 đồng. Tổng tiền lãi đã thu 10.250.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 8.242.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.008.000 đồng (Bút lục số: 27, 48 và 102) .

2. Võ Minh S vay 03 lần từ ngày 30/7/2019 đến ngày 21/11/2019, với tổng số tiền vay là 76.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 62.560.000 đồng, nợ tiền gốc là 13.440.000 đồng. Tổng tiền lãi đã thu 12.560.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 6.996.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 5.564.000 đồng (Bút lục số: 27, 68 và 111).

3. Trương Huỳnh N vay 13 lần từ ngày 01/8/2019 đến ngày 16/12/2019 với tổng số tiền vay là 65.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 61.330.000 đồng, nợ tiền gốc là 3.670.000 đồng. Tổng tiền lãi đã thu được 12.267.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 5.128.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 7.139.000 đồng (Bút lục số: 27, 62 và 111).

4. Trương Thị Ngọc D vay 08 lần từ ngày 17/8/2019 đến ngày 08/01/2020 với tổng số tiền vay là 75.000.000 đồng. Đã trả đủ tiền gốc. Tiền lãi thu được 15.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 6.270.000 đồng, tiền lãi lợi bất chính là 8.730.000 đồng (Bút lục số: 27, 64 và 111).

5. Lê Thị L vay 07 lần từ ngày 18/8/2019 đến ngày 28/11/2019 với tổng số tiền 70.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 61.000.000 đồng, nợ tiền gốc 9.000.000 đồng. Tiền lãi đã thu được là 14.200.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 7.100.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 7.100.000 đồng (Bút lục số: 28, 60 và 112).

6. Võ Thị Trúc L vay 09 lần từ ngày 20/8/2019 đến ngày 09/02/2020 với tổng số tiền vay là 45.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 41.500.000 đồng, nợ tiền gốc là 3.500.000 đồng. Tổng tiền lãi đã thu 8.300.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 3.469.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 4.831.000 đồng (Bút lục số: 28, 52 và 113).

7. Huỳnh Mỹ H vay 05 lần từ ngày 24/8/2019 đến ngày 05/02/2020 với tổng số tiền vay 25.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 22.000.000 đồng, nợ tiền gốc 3.000.000 đồng. Tiền lãi đã thu 4.400.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 1.839.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.561.000 đồng (Bút lục số: 28, 56 và 113).

8. Trần Thị L vay 06 lần từ ngày 10/9/2019 đến ngày 07/02/2020 với tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng, tiền gốc đã trả 26.840.000 đồng, nợ tiền gốc là 3.160.000 đồng. Tiền lãi đã thu được 5.367.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp

pháp là 2.243.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.124.000 đồng (Bút lục số: 28, 58 và 112).

9. Dương Thị Kim C vay 05 lần từ ngày 08/10/2019 đến ngày 15/01/2020 với tổng số tiền vay 25.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 22.333.000 đồng, nợ tiền gốc 2.667.000 đồng. Tiền lãi đã thu được 4.467.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 1.867.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.600.000 đồng (Bút lục số: 27, 66 và 110).

10. Huỳnh Thị D vay 04 lần từ ngày 13/10/2019 đến ngày 03/02/2020 với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 17.500.000 đồng, nợ tiền gốc là 2.500.000 đồng. Tiền lãi đã thu 3.500.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 1.463.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.037.000 đồng (Bút lục số: 28, 54 và 113).

11. Lâm Thị Tuyết H vay 03 lần từ ngày 21/10/2019 đến ngày 15/12/2019, với tổng số tiền vay là 13.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 10.167.000 đồng, nợ tiền gốc 2.833.000 đồng. Tiền lãi đã thu 2.033.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 801.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.232.000 đồng (Bút lục số: 28, 42 và 112).

12. Mai Vũ L vay 04 lần từ ngày 26/11/2019 đến ngày 07/02/2020, với tổng số tiền vay là 25.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 18.667.000 đồng, nợ tiền gốc 6.333.000 đồng. Tiền lãi đã thu được 3.733.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 1.560.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.173.000 đồng (Bút lục số: 28, 44 và 112).

13. Nguyễn Thị Th vay 02 lần, ngày 16/12/2019 và ngày 06/02/2020, với tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 7.000.000 đồng, nợ tiền gốc 3.000.000 đồng. Tiền lãi đã thu được 1.067.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 446.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 621.000 đồng (Bút lục số: 27, 94 và 111).

14. Phan Văn M vay 01 lần vào ngày 04/02/2020, với số tiền vay là 10.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 5.000.000 đồng, nợ tiền gốc 5.000.000 đồng. Tiền lãi đã thu 1.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 418.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 582.000 đồng (Bút lục số: 28, 46 và 113).

15. Nguyễn Thị Ngọc G vay 01 lần vào ngày 10/02/2020, với số tiền vay là 5.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 1.334.000 đồng, nợ tiền gốc 3.666.000 đồng. Tổng tiền lãi đã thu là 267.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 112.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 155.000 đồng (Bút lục số: 28, 50 và 113).

16. Đoàn Thị C vay 01 lần vào ngày 12/02/2020, với số tiền vay là 15.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 3.000.000 đồng, nợ tiền gốc 12.000.000 đồng.

Tổng tiền lãi đã thu là 600.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 251.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 349.000 đồng (Bút lục số: 27, 36 và 111).

17. Đinh Thị H vay 01 lần vào ngày 13/02/2020, với số tiền vay là 5.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 834.000 đồng, nợ tiền gốc 4.166.000 đồng. Tổng tiền lãi đã thu 167.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 70.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 97.000 đồng (Bút lục số: 27, 38 và 111).

Như vậy, tổng số tiền Đỗ Văn Q cho 17 người vay là 615.000.000 đồng. Tiền lãi đã thu là 97.178.000 đồng. Trong đó: Tiền thu lãi hợp pháp là 46.275.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 50.903.000 đồng .

*** Tang vật thu giữ:**

- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A7, đã qua sử dụng;
- 06 Giấy chứng minh nhân dân;
- 01 giấy phép lái xe;
- 01 Sổ hộ khẩu.

Tất cả đã trao trả cho chủ sở hữu

- 01 quyển sổ ghi chép theo dõi hoạt động cho vay, đã đưa vào hồ sơ vụ án.

- Tiền Việt Nam: 51.000.000 đồng (do Đỗ Văn Q nộp, đã nộp Kho bạc Nhà nước Phú Quốc).

Ngày 16/4/2020, Đỗ Văn Q bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Phú Quốc khởi tố cầm đi khỏi nơi cư trú.

Bản cáo trạng số: 105/CT-VKSPQ ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc đã truy tố các bị cáo Đỗ Văn Q, về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đỗ Văn Q, về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Q 100.000.000 đồng.

*** Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị tịch thu 51.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

*** Về biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị tuyên như sau:

- Đối với số tiền gốc cho vay mà bị can Đỗ Văn Q đã thu về được là 519.231.000 đồng và số tiền thu lợi hợp pháp 46.275.000 đồng là tiền mà bị cáo

đã sử dụng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có. Do đó, buộc bị can Đỗ Văn Q phải giao nộp lại tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, trừ vào số tiền mà 51.000.000 đồng Q đã giao nộp, còn lại 514.506.000 đồng.

- Đối với số tiền 95.769.000 đồng là tiền gốc mà người vay chưa trả cho bị can Đỗ Văn Q đây cũng là tiền mà bị can Q dùng vào việc phạm tội, do đó buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải giao nộp số tiền vay còn lại tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, gồm: Lê Thị L là 9.000.000 đồng; Trương Huỳnh N là 3.670.000 đồng; Võ Minh S là 13.440.000 đồng; Võ Thị Trúc L là 3.500.000 đồng; Trần Thị L là 3.160.000 đồng; Dương Thị Kim C là 2.667.000 đồng, Huỳnh Mỹ H là 3.000.000 đồng; Mai Vũ L là 6.333.000 đồng; Huỳnh Thị D là 2.500.000 đồng; Nguyễn Thị U là 10.500.000 đồng; Lâm Thị Tuyết H là 2.833.000 đồng; Nguyễn Thị Th là 3.000.000 đồng; Phan Văn M là 5.000.000 đồng; Đoàn Thị C là 12.000.000 đồng; Nguyễn Thị Ngọc G là 3.666.000 đồng và Đinh Thị H là 4.166.000 đồng, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với tiền thu lãi bất chính là 50.903.000 đồng từ hoạt động cho vay lãi nặng buộc bị can Đỗ Văn Q trả lại cho 17 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Trương Thị Ngọc D là 8.730.000 đồng; Lê Thị L là 7.100.000 đồng; Trương Huỳnh N là 7.139.000 đồng; Võ Minh S là 5.564.000 đồng; Võ Thị Trúc L là 4.831.000 đồng; Trần Thị L là 3.124.000 đồng; Dương Thị Kim C là 2.600.000 đồng; Huỳnh Thị Mỹ H là 2.561.000 đồng; Mai Vũ L là 2.173.000 đồng; Huỳnh Thị D là 2.037.000 đồng; Nguyễn Thị U là 2.008.000 đồng; Lâm Thị Tuyết H là 1.232.000 đồng; Nguyễn Thị Th là 621.000 đồng; Phan Văn M là 582.000 đồng; Đoàn Thị C là 349.000 đồng; Nguyễn Thị Ngọc G là 155.000 đồng; Đinh Thị H là 97.000 đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm 17 đương sự: có đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, có đương sự qua xác minh bỏ địa bàn không còn cư trú, có đương sự được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Qua xem xét đối chiếu với lời khai tại cơ quan điều tra điều xác nhận có vay tiền của Đỗ Văn Q và hiện chưa trả gốc. Hội đồng xét xử nghị đây là tiền Q cho vay nhưng là tiền sử dụng vào việc phạm tội, nghị buộc những người vay này giao nộp sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc truy tố, không có ý kiến gì và không có nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Quốc, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc đã tuân thủ nghiêm các quyền và nghĩa vụ của mình, thực hiện các hành vi, quyết định tố tụng đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Từ ngày 29/7/2019 đến ngày 13/02/2020, Đỗ Văn Q sử dụng nhà trọ thuê thuộc khu phố A, thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc để hoạt động cho vay lãi nặng được 17 người, số tiền cho vay là 615.000.000 đồng, tiền lãi đã thu là 97.178.000 đồng. Trong đó, tiền lãi hợp pháp 46.275.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 50.903.000 đồng.

Căn cứ vào các biên nhận nợ vay đối chiếu sổ sách ghi chép quá trình cho vay, căn cứ vào lời khai của bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo Đỗ Văn Q đã phạm vào tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo Đỗ Văn Q gây ra là nguy hiểm cho xã hội bởi vì đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ đã được pháp luật bảo vệ.

Hành vi phạm tội của bị cáo còn có khả năng làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự cũng như sức khỏe của những người vay tiền và gia đình của họ. Mặc dù bản thân các bị cáo biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do mục đích thu lợi bất chính, do tư lợi cá nhân mà các bị cáo xem thường pháp luật, đây là lỗi cố ý trong ý thức phạm tội của các bị cáo. Do đó cần áp dụng một hình phạt thích đáng để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho loại tội phạm này.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5]. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Công văn số 212/TANDTC – PC, ngày 13/9/2019 của TAND Tối cao về thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử:

Buộc Đỗ Văn Q giao nộp số tiền gốc đã thu về được là 519.231.000 đồng và số tiền thu lợi hợp pháp (tiền lãi) 46.275.000 đồng là tiền mà bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có, trừ vào số tiền 51.000.000 đồng Q đã nộp trước, còn phải nộp 514.506.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi) 50.903.000đ theo quy định pháp luật buộc Q giao nộp trả lại cho người vay, tuy nhiên qua làm việc những người liên quan đều không có yêu cầu trả lại số tiền này, Hội đồng xét xử nghị không xem xét buộc Q giao nộp lại số tiền này.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 95.769.000 đồng là tiền gốc mà người vay chưa trả cho Đỗ Văn Q đây là tiền dùng vào việc phạm tội, do đó buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải giao nộp số tiền vay còn lại tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, gồm: Lê Thị L là 9.000.000 đồng; Trương Huỳnh N là 3.670.000 đồng; Võ Minh S là 13.440.000 đồng; Võ Thị Trúc L là 3.500.000 đồng; Trần Thị L là 3.160.000 đồng; Dương Thị Kim C là 2.667.000 đồng, Huỳnh Mỹ H là 3.000.000 đồng; Mai Vũ L là 6.333.000 đồng; Huỳnh Thị D là 2.500.000 đồng; Nguyễn Thị U là 10.500.000 đồng; Lâm Thị Tuyết H là 2.833.000 đồng; Nguyễn Thị Th là 3.000.000 đồng; Phan Văn M là 5.000.000 đồng; Đoàn Thị C là 12.000.000 đồng; Nguyễn Thị Ngọc G là 3.666.000 đồng và Đinh Thị H là 4.166.000 đồng.

[7]. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát: Tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bị cáo Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, ngoài ra bị cáo Q còn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch. Người liên quan chịu án phí sơ thẩm trên số tiền buộc giao nộp lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: **Bị cáo Đỗ Văn Q** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Xử phạt: **Đỗ Văn Q** số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Buộc **Đỗ Văn Q** giao nộp số tiền gốc đã thu về được là 519.231.000 đồng và số tiền thu lợi hợp pháp (tiền lãi) 46.275.000 đồng là tiền mà bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có, trừ vào số tiền 51.000.000 đồng **Q** đã nộp trước (theo Công văn số 213/CQĐT – KTCV, ngày 06/8/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Quốc gửi Kho bạc Nhà nước huyện Phú Quốc, bút lục 118), **Q** còn phải nộp 514.506.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi) 50.903.000đ theo quy định pháp luật buộc **Q** giao nộp trả lại cho người vay, tuy nhiên qua làm việc những người liên quan đều không có yêu cầu trả lại số tiền này, Hội đồng xét xử nghị không xem xét buộc **Q** giao nộp lại số tiền này.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc **Lê Thị L** giao nộp số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng); **Trương Huỳnh N** nộp 3.670.000đ (ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng); **Võ Minh S** nộp 13.440.000đ (mười ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng); **Võ Thị Trúc L** nộp 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng); **Trần Thị L** nộp 3.160.000đ (ba triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng); **Dương Thị Kim C** nộp 2.667.000đ (hai triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), **Huỳnh Thị Mỹ H** nộp 3.000.000đ (ba triệu đồng); **Mai Vũ L** nộp 6.333.000đ (sáu triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng); **Huỳnh Thị D** nộp 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng); **Nguyễn Thị U** nộp 10.500.000đ (mười triệu năm trăm nghìn đồng); **Lâm Thị Tuyết H** nộp 2.833.000đ (hai triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng); **Nguyễn Thị Th** nộp 3.000.000đ (ba triệu đồng); **Phan Văn M** nộp 5.000.000đ (năm triệu đồng); **Đoàn Thị C** nộp 12.000.000đ (mười hai triệu đồng); **Nguyễn Thị Ngọc G** nộp 3.666.000đ (ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) và **Đinh Thị H** nộp 4.166.000đ (bốn triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 24.580.240đ (hai mươi bốn triệu năm trăm tám mươi nghìn hai trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm gồm: **Lê Thị L** phải nộp 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng); **Trương**

Huỳnh N nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); Võ Minh S nộp 672.000đ (sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng); Võ Thị Trúc L nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); Trần Thị L nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); Dương Thị Kim C nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), Huỳnh Thị Mỹ H nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); Mai Vũ L nộp 316.650đ (ba trăm mười sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng); Huỳnh Thị D nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); Nguyễn Thị U nộp 525.000đ (năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng); Lâm Thị Tuyết H nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); Nguyễn Thị Th nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); Phan Văn M nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); Đoàn Thị C nộp 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng); Nguyễn Thị Ngọc G nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và Đinh Thị H nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Phú Quốc;
- Nhà tạm giữ huyện Phú Quốc;
- Đội tổng hợp CA huyện PQ;
- THA huyện Phú Quốc;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Triệu